

Bản án số 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12.11.2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bạo

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan A - sinh năm 1984, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Quang T - sinh năm 1983, (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: 286/15 H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 23 tháng 8 năm 2018, Bản tự khai ngày 02 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn

- bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Vũ Quang T đã kết hôn với nhau vào năm 2009. Đến năm 2012, do ông T nhiều lần gây ra nợ nần nên vợ chồng đã

được Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết cho ly hôn. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm và mong muốn giữ gia đình cho con nên năm 2014, bà và ông T đã tự nguyện kết hôn lại tại UBND phường P, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống tại 96 L, phường P, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; đến năm 2017 thì chuyển về sống tại K286/15 H, phường H, quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, trầm trọng nhất từ cuối năm 2017. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp; ông T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm làm bà bị tổn thương. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc làm ảnh hưởng đến quá trình nuôi dạy con cái, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- *Về quan hệ nuôi con chung:* Bà xác định bà và ông T có một con chung là Vũ Nguyễn Quang H - sinh ngày 19 tháng 7 năm 2011. Bà có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- *Về quan hệ chia tài sản:* Bà xác định bà và ông T có tài sản chung là nhà và đất tại 286/15 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 807583 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014 đứng tên ông Phan Văn T (*Ông Huỳnh Ngọc H và bà Đinh Khoa Thanh L nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 405354.CN.001; ông T và bà A nhận chuyển nhượng lại theo hồ sơ số 405354.CN.002*). Tài sản này bà và ông T đã thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP A số tiền 250.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nhận sở hữu, sử dụng nhà và đất sau khi đã căn trừ khoản nợ của Ngân hàng.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 11 tháng 10 năm 2018, bà A đã rút yêu cầu chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Tại phiên tòa, bà A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Bà xác định đến nay bà và ông T đã giải quyết phân chia xong về tài sản và trả nợ xong cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà và ông T không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà. Đối với những vật dụng trong gia đình, bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông Vũ Quang T trình bày: Thống nhất với trình bày của bà A về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống sau khi kết hôn.

Ông xác định trong quá trình chung sống lại với nhau, giữa ông và bà A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ nuôi con chung:* Ông xác định ông và bà A có một con chung như bà A trình bày. Ông đồng ý giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng,

ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Nếu bà A không đồng ý nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000đ thì ông yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu bà A cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ. Nếu bà A không cấp dưỡng nuôi con thì ông T không yêu cầu.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông xác định ông và bà A tự thỏa thuận về tài sản. Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP A đã trả xong nên ông và bà A không có nợ chung.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho Ngân hàng TMCP A với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25 tháng 10 năm 2018, ông Nguyễn Huy Linh - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Theo Quyết định số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13 tháng 9 năm 2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A về việc ban hành Quy chế ủy quyền...tham gia tố tụng...và Giấy ủy quyền số 56/UQ-DAN.18 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đà Nẵng) đã có văn bản xác nhận hiện nay bà A và ông T không còn khoản nợ tại Ngân hàng. Do vậy, Tòa án đã ban hành văn bản thông báo rút người tham gia tố tụng đối với Ngân hàng TMCP A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 55, 81 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T, xử giao con chung Vũ Nguyễn Quang H - sinh ngày 19 tháng 7 năm 2011 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện trA chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị Lan A đối với ông Vũ Quang T, Hội đồng xét xử thấy:

Bà A và ông T đăng ký kết hôn vào năm năm 2014 tại UBND phường P, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà A và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà A và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà A và ông T thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, giữa bà A và ông T không còn tình cảm, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà thật sự tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử cần áp dụng các điều 51, 55 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T.

[2] *Về quan hệ nuôi con chung*: Bà A và ông T có một con chung tên là Vũ Nguyễn Quang H - sinh ngày 19 tháng 7 năm 2011. Bà A và ông T thống nhất giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, còn ông T chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Nếu bà A không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi 1.000.000đ thì ông T có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, nếu bà A không đồng ý cấp dưỡng thì ông T không yêu cầu.

Xét, con chung Vũ Nguyễn Quang H đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ. Bà A có nguyện vọng được nuôi con và hiện nay có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử cần xử giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Căn cứ nhu cầu thiết yếu của con trẻ, áp dụng các điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

[3] *Về quan hệ chia tài sản*: Bà A và ông T xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận; không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm* là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà A phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), ông T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*); *Án phí cấp dưỡng nuôi con* là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. * Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lan A và ông Vũ Quang T.

* Về con chung:

Xử: Giao con chung Vũ Nguyễn Quang H - sinh ngày 19 tháng 7 năm 2011 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà A và ông T xác định có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận; không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà A phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), ông T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*); Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T phải chịu.

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) bà A đã nộp tại biên lai thu số 0003212 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Hoàn trả lại cho bà A số tiền 150.000 đồng.

Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đ (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003213 ngày 30.8.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. P.P, tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy